

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Tên tiếng Anh: **Accounting**

Mã ngành: **7340301**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	4
3. Chuẩn đầu vào.....	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG	
TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	7
2. Khung chương trình đào tạo.....	7
3. Mô tả học phần:.....	11
4. Sơ đồ đào tạo	37
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	38
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy.....	38
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	38
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo.....	39
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.....	44
10. Thông tin cập nhật	45

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31/10/2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật (KTL) theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26/10/2015.

Khoa KTL có 05 bộ môn (BM): BM Kế toán – Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng, nhiệm vụ của Khoa KTL được quy định tại Mục 1.6 Điều 4 Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01/02/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTG quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTG như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.

- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.

- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Kế toán

- Tên ngành:

- + Tiếng Việt: **Kế toán**

+ Tiếng Anh: **Accounting**

- Mã ngành: 7340301

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Kế toán**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Accounting**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học An Giang,

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học Cần Thơ.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; có khả năng sáng tạo, phát huy tiềm năng của bản thân và sống hài hòa, hạnh phúc.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành kế toán, có khả năng nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng, xã hội.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên, để phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

PO02: Kiến thức cơ sở về kinh tế vi mô, vĩ mô; quản trị học, nguyên lý kế toán và pháp luật.

PO03: Kiến thức chuyên sâu của ngành kế toán bao gồm kế toán tài

chính doanh nghiệp, kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán kho bạc, thuế và kiểm toán.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng, xã hội.

PO05: Kỹ năng khám phá tri thức mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao; sáng tạo ra những cách làm mới.

PO06: Kỹ năng nghề nghiệp của một người làm việc trong lĩnh vực kế toán.

PO07: Kỹ năng mềm (suy luận và giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm) để làm việc và phát triển trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuẩn mực, đức tính trung thực, học tập và rèn luyện để nâng cao năng lực, phẩm chất cá nhân.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán viên, kế toán tổng hợp, kiểm toán viên, kế toán trưởng và quản lý trong doanh nghiệp và các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật

K02: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của ngành kế toán

K03: Kiến thức chuyên sâu và mở rộng của ngành kế toán để hạch toán nghiệp vụ kinh tế, lưu trữ chứng từ sổ sách, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ... tại các đơn vị

K04: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hóa, vận hành trong công việc kế toán

2.2. Kỹ năng

S01: Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

S03: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp thực hiện nhiệm vụ ngành kế toán

S04: Kỹ năng mềm cần thiết (suy luận và giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm) để có thể giải quyết các vấn đề của ngành kế toán

S05: Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

A02: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành kế toán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02		x		x								
PO03			x	x								
PO04					x							
PO05					x	x						
PO06							x		x			
PO07						x		x				
PO08										x		
PO09												x
PO10										x	x	

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **169**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	33	4	37	29,37
2	Kiến thức cơ sở ngành	21	2	23	18,25
3	Kiến thức ngành	36	12	48	38,10
4	Kiến thức Bổ trợ	4	8	12	9,52
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	6	6	4,76
Tổng cộng		94	32	126	100%

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						11	11		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						8	6		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
68562	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	15	30				2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2	2	
65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	30					2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên							11	8	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
69782	Kế toán bền vững	15	30				2	2	
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết*		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							42	37	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	23	
66043	Kinh tế vi mô	30	30				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	30	30				3	3	66043+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
67003	Quản trị học	30	30				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	30	30				3	3	
70013	Marketing căn bản	30	30				3	3	
71073	Luật thương mại	45					3	3	71012+
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
66102	Kinh tế quốc tế	15	30				2	2	
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	15	30				2		
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	15	30				2		
2.2. Ngành							56	48	
68013	Thuế	30	30				3	3	
68083	Kế toán tài chính 1	30	30				3	3	68063+
68093	Kế toán tài chính 2	30	30				3	3	68063+
68103	Kế toán tài chính 3	30	30				3	3	68063+
68113	Kế toán quản trị	30	30				3	3	
68133	Kế toán chi phí	30	30				3	3	68063+
68252	Kiểm toán 1	15	30				2	2	68063+
68262	Kiểm toán 2	15	30				2	2	68252+
68273	Kế toán tài chính 4	30	30				3	3	68063+
68314	Kế toán tài chính 5	30	60				4	4	68273+
68573	Tin học kế toán 1	30		30			3	3	68063+
68582	Tin học kế toán 2	15		30			2	2	68063+
68592	Hệ thống thông tin kế toán	15	30				2	2	68063+
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 12 TC)									
68142	Kế toán kho bạc	15	30				2	12	68063+
68153	Đổi chiếu kế toán quốc tế	30	30				3		68063+
68243	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 1	30	30				3		68063+
68322	Kế toán ngân hàng	15	30				2		68063+
68343	Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp	15		60			3		68303+
68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	30	30				3		68063+
69092	Toán tài chính	15	30				2		
68502	Lập báo cáo tài chính theo IFRS	15	30				2		68063+
2.3. Bổ trợ							30	12	
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	15	30				2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
68822	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	15	30				2	2	
Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67222	Quản trị sản xuất	15	30				2	8	
69122	Tài chính doanh nghiệp 2	15	30				2		69102+
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	30	30				3		
68002	Thống kê doanh nghiệp	15	30				2		68782+
68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	30	30				3		
68112	Thị trường tài chính	15	30				2		
68212	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	15	30				2		
69043	Thanh toán quốc tế	30	30				3		
69112	Thị trường chứng khoán	15	30				2		
67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	45					3		
69252	Tài chính công	15	30				2		
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							14	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68914	Chuyên đề cuối khóa (Kế toán)				180		4	6	68314+
68552	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 2	15	30				2		
68612	Luật kế toán và đạo đức nghề nghiệp	30					2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68906	Khóa luận cuối khóa (Kế toán)					360	6	6	68314+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							127	89	
Số tín chỉ tổng cộng: 169, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khoá học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- *MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.*

- *LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.*

- *TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.*

- *ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.*

- *TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.*

- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*

- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*

- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.*

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác - Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 00, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (01202)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4]. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, , *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

[3]. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2018.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Pháp luật đại cương, sinh viên biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.

[2]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán (68562)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán, người học biết được những vấn đề chung về Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm: Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán, Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, Đánh giá một công trình khoa học ngành kế toán; Thực hành được một số phần mềm phân tích dữ liệu thông dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hà Nam Khánh Giao (chủ biên), *Phương pháp Nghiên cứu Khoa học trong Kinh doanh- Cập nhật Smart PLS*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2019.

[2]. Đinh Phi Hồ (chủ biên). *Nghiên cứu định lượng trong kế toán và kiểm toán*. NXB Tài Chính, Hà Nội, 2018.

3.8. Kỹ năng giao tiếp (15372)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kỹ năng giao tiếp, người học biết được khái niệm kỹ năng giao tiếp, đặc điểm và phân loại kỹ năng giao tiếp; Vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với sinh viên đại học. Thực hành các kỹ năng giao tiếp cơ bản: Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp; Kỹ năng nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng; Kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Kỹ năng tiến hành các hội nghị và các cuộc họp; Kỹ năng giao tiếp ở quy mô nhóm và tổ chức; Một số vấn đề trong giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau; Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; Giao tiếp qua điện thoại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Trọng Thủy, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà

Nội, 2019.

[2].Nguyễn Văn Hùng, *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2022.

[3] Trần Thanh Nguyên, *Tài liệu giảng dạy Kỹ năng giao tiếp*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Tiền Giang, 2022.

3.9. Lịch sử các học thuyết kinh tế (65012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế, sinh viên sẽ hiểu được hoàn cảnh lịch sử và những nội dung chủ yếu của các học thuyết kinh tế từ thời cổ đại đến thời kỳ hiện đại; Hiểu được sự kế thừa khoa học và sự sáng tạo trong quá trình phát triển các tư tưởng kinh tế trong lịch sử; Đánh giá được thành tựu và hạn chế của mỗi học thuyết kinh tế; Tư duy khoa học trong việc nhận thức các vấn đề kinh tế trong quá khứ, hiện tại và tương lai; Phân tích và vận dụng được kiến thức của các học thuyết kinh tế và hoạt động của bản thân.Tham mưu được với lãnh đạo doanh nghiệp về những nội dung được vận dụng từ các lý thuyết kinh tế trong lịch sử để xây dựng chiến lược kinh doanh và giải quyết những vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp; Có tính trung thực, khoa học, kế thừa có chọn lọc trong công tác và trong cuộc sống; Có thái độ khoa học và sự kế thừa có phê phán trong việc thực hiện nhiệm vụ do lãnh đạo phân công; Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1.]Trần Việt Tiến (chủ biên), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019.

3.10. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 1, sinh viên hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn).Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies,*Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies,*Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.11. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 2, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quần áo, thời trang và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng vấn xin việc. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.12. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08044)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 3, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và dinh dưỡng và nói các chủ đề về tội phạm, kế hoạch và dự định trong tương lai. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông báo và một email.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.13. Toán cao cấp C (08133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Toán cao cấp C, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phép tính vi/tích phân hàm số một biến số, phép tính vi phân hàm số nhiều biến số, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Đình Trí, *Giáo trình Toán học cao cấp, tập 1, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

[2]. Nguyễn Đình Trí, *Bài tập toán học cao cấp, tập 1, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

[3]. Thomas Holey, Armin Wiedemann, *Analysis and Linear Algebra: An Introduction for Economists, 5th edition*, Springer, 2021.

[4]. Ron Larson, Bruce Edwards, *Calculus*, Cengage Learning, 2023.

3.14. Xác suất thống kê A (08733D)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán cao cấpC

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Xác suất thống kê A, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về xác suất (bao gồm: xác suất và công thức tính xác suất của một sự kiện, phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên) và thống kê (bao gồm: lấy mẫu và xử lý mẫu; ước lượng các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy).

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hoàng Ngọc Nhậm, *Xác suất và thống kê toán*, NXB Đại học Kinh tế TpHCM, TP.HCM, 2009.

[2]. Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn, Phạm Trí Cao, *Bài tập Xác suất Thống kê*, NXB ĐH Kinh tế Tp HCM, 2008.

[3]. Mark L. Berenson, David M. Levine, Kathryn A. Szabat, David F. Stephan, *Basic Business Statistics: Concepts and Applications, 14th edition*, Pearson, New York, 2023.

3.15. Kế toán bền vững(69782)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán bền vững, người học đạt được biết được kiến thức cơ bản về văn hóa và môi trường; Vận dụng được những kiến thức này vào ngành kế toán; Có tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1.] Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Thị Hải Hà, *Giáo Trình Những Vấn Đề Kế Toán Đương Đại*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2020.

3.16. Tin học ứng dụng cơ bản (30053)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tin học ứng dụng cơ bản, sinh viên có thể vận dụng được các kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014 bao gồm: Hiểu biết về Công nghệ thông tin cơ bản, Sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản, Sử dụng trình chiếu cơ bản và Sử dụng Internet cơ bản. Qua học phần này, sinh viên nhận biết được các năng lực số (Digital Literacy) cơ bản để giao tiếp, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Khoa Công nghệ thông tin, *Bài giảng Tin học ứng dụng cơ bản*, Trường Đại học Tiền Giang, 2017.

3.17. Thể dục và điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thể dục Điền kinh, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng; Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.

3.18. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng chuyền 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.19. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Cầu lông 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.20. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Đá cầu 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

3.21. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng rổ 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT, Hà Nội, 2020.

3.22. Bóng chuyền 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng chuyền 2, sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.23. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Cầu lông 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.24. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Đá cầu 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá

cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

3.25. Bóng rổ 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Bóng rổ 2, sinh viên hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2020.

3.26. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

3.27. Kinh tế vi mô (66043)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế học vi mô, người học biết hành vi, cách ứng xử của từng tác nhân như các hộ gia đình, người tiêu dùng, các doanh nghiệp trong các loại thị trường nhằm đạt lợi ích cao nhất khi sản xuất, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ; Biết qui luật cung - cầu của thị trường, các dạng thị trường và sự hình thành của giá cả, điều kiện để doanh nghiệp tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận trong từng loại thị trường từ đó có thể tối đa hoá được lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng loại thị trường của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Lê Bảo Lâm, *Kinh tế vi mô*, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, TP.HCM, 2019.

3.28. Kinh tế vĩ mô (66063)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô (66043)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế vĩ mô, người học hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua lý thuyết và mô hình kinh tế, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp,... Có nền tảng vững chắc cho phân tích các chính sách kinh tế

và tác động của nó đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu, *Giáo trình Kinh tế vĩ mô*, Trường ĐH Tài Chính – Marketing, 2021.

3.29. Kinh tế lượng (66093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Xác suất thống kê A

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế lượng, sinh viên biết được những kiến thức cơ bản về ước lượng, phân tích mô hình, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế, sử dụng biến giả, một số khuyết tật của mô hình hồi qui đơn giản. Vận dụng kiến thức đã học để tính toán một số mô hình đơn giản, thiết lập được mô hình phù hợp với thực tế. Sử dụng mô hình để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách (nếu có). Song song đó, hình thành thái độ tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng hay đánh giá các giả thuyết khoa học.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Phan Đoàn Khánh, Võ Thị Thủy Vãn, *Tập bài giảng Kinh tế Lượng*, 2023.

3.30. Quản trị học (67003)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Quản trị học, người học biết những nội dung cơ bản về quản trị trong tổ chức như: khái niệm và vai trò của quản trị trong tổ chức, nhà quản trị và công việc của nhà quản trị, các tư tưởng quản trị, môi trường hoạt động của tổ chức, quyết định quản trị và các chức năng của quản trị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh, *Quản trị học*, NXB Tài chính, 2022.

3.31. Nguyên lý kế toán (68063)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán, người học biết được các nội dung cơ bản về kế toán; Lập báo cáo kế toán; Sử dụng tài khoản kế toán; Ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán và lập chứng từ kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; Kiểm kê; Các hình thức sổ kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán.; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Việt (chủ biên), *Nguyên lý kế toán*, NXB Kinh tế TP. HCM, TP. HCM, 2019.

3.32. Marketing căn bản (70013)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Marketing căn bản, người học biết những nội dung cơ bản về marketing, vai trò của marketing, môi trường marketing của một doanh nghiệp, hành vi khách hàng, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm và chiến lược Marketing Mix. Đồng thời, học phần định hướng sinh viên vận dụng kiến thức trong việc phân tích một số hoạt động thực tế có liên quan đến các doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Quách Thị Bửu Châu, *Marketing căn bản*, NXB Lao động, 2018.

3.33. Luật thương mại (71073)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Luật Thương mại, sinh viên biết được kiến thức cơ bản về Luật Thương mại, vai trò của Luật Thương mại trong nền kinh tế thị trường; địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống liên quan lĩnh vực thương mại; tư vấn cho nhà đầu tư lựa chọn được loại doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức, 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.34. Kinh tế quốc tế (66102)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế quốc tế, sinh viên sẽ thông hiểu những kiến thức cơ bản về vấn đề kinh tế quốc tế; Phân tích được những đặc điểm cơ bản và tình hình thuận lợi, khó khăn khi Việt Nam tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới; Hiểu và tính toán được tỷ giá hối đoái; Vận dụng tốt kiến thức đã học về kinh tế quốc tế, giúp doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, có xu hướng phù hợp với kinh tế khu vực và quốc tế, để đáp ứng tốt yêu cầu của đất nước đặt ra; Có khả năng đánh giá hoạt động kinh tế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; Nghiêm túc, tích cực học tập và biết được kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế và việc ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đỗ Đức Bình và Ngô Thị Tuyết Mai, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019.

3.35. Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Nguyên lý thống kê kinh tế, người học biết được việc tổng hợp thống kê, các chỉ tiêu phản ánh mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội, phương pháp phân tích dãy số thời gian và kiểm định thống kê trong kinh tế. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực

chuyên môn. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Phạm Ngọc Kiêm, Nguyễn Công Nhựt, Trần Thị Bích, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2020.

3.36. Lý thuyết tài chính tiền tệ (69002)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ, người học biết được các kiến thức lý luận cần thiết về tài chính, hệ thống tài chính, tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, lạm phát, các công cụ chính sách tiền tệ...; Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống về lĩnh vực tài chính-tiền tệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền Tệ Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội, 2021.

[2]. Nguyễn Thị Hồng Nhung, *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2019.

3.37. Thuế (68013)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thuế, người học biết được những nội dung cơ bản về thuế và các chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Đề xuất giải pháp; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán; Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyên, *Giáo trình Thuế 1*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2020.

3.38. Kế toán tài chính 1 (68083)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 1, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán tài chính; Kế toán tiền và các khoản phải thu; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.39. Kế toán tài chính 2 (68093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 2, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán hoạt động thương mại; Kế toán hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; Khái quát hóa tình hình tài chính, kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.40. Kế toán tài chính 3 (68013)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 3, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán phải thu, phải trả nội bộ; Kế toán các giao dịch ngoại tệ; Kế toán hoạt động xây lắp; Kế toán hoạt động xây dựng cơ bản; Kế toán hoạt động bất động sản đầu tư. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính 2*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.41. Kế toán quản trị (68113)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán quản trị, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí; Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (C-V-P); Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm; Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn;

Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Huỳnh Lợi, *Kế Toán Quản Trị*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

3.42. Kế toán chi phí (68133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán(68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán chi phí, người học biết được những nội dung cơ bản về Kế toán chi phí; Phân loại kế toán chi phí và tính giá thành; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Lê Kim Ngọc (chủ biên), *Kế toán chi phí*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2022.

3.43. Kiểm toán 1 (68252)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kiểm toán 1, người học biết được những nội dung cơ bản về các kiến thức mang tính nguyên lý của hoạt động kiểm toán, với trọng tâm là kiểm toán độc lập, hoạt động kiểm toán và môi trường kiểm toán, các khái niệm và phương pháp áp dụng trong các bước của quy trình kiểm toán BCTC. Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Giáo trình kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

[2]. Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Bài tập kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

[3]. Iain Gray, Louise Crawford, Stuart Manson, *The Audit Process: principles, practice and case*, NXB Cengage Learning EMEA; 7th edition, 2019.

3.44. Kiểm toán 2 (68262)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kiểm toán 1 (68252)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kiểm toán 2, người học biết được những nội dung cơ bản về kiểm toán các khoản mục: tiền, khoản phải thu, giá vốn hàng bán và hàng tồn kho, tài sản cố định, khoản phải trả và vốn chủ sở hữu, doanh thu và chi phí. Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Giáo trình kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

[2]. Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Bài tập kiểm toán*, NXB Lao động, TP.HCM, 2021.

[3]. Iain Gray, Louise Crawford, Stuart Manson, *The Audit Process: principles, practice and case*, NXB Cengage Learning EMEA; 7th edition, 2019.

3.45. Kế toán tài chính 4 (68273)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 4, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán tài chính nâng cao thông qua các hoạt động thuê tài sản, các khoản đầu tư tài chính, nợ vay và kế toán công ty cổ phần. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập Kế toán tài chính 2*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.46. Kế toán tài chính 5 (68314)

- Số tín chỉ: 4 TC (30, 60, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kế toán tài chính 4 (68273)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 5, người học biết được những nội dung cơ bản về kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ kế toán thuế, lập báo cáo tài chính, biết các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm, biết tổ chức công tác kế toán và ghi sổ kế toán & lập BCTC. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên

môn; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Khái quát hóa tình hình tài chính, kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

3.47. Tin học kế toán 1 (68573)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tin học kế toán 1, người học biết được những nội dung cơ bản về Phần mềm kế toán; Mở sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán vật tư; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán Tài sản cố định; Kế toán thuế; Kế toán tiền lương; Kế toán tổng hợp. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ tài chính, *Chế Độ Kế Toán Doanh Nghiệp - Quyển 1: Hệ Thống Tài Khoản Kế Toán (Tái Bản)*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

[2]. Bộ tài chính, *Chế Độ Kế Toán Doanh Nghiệp Quyển 2: Báo Cáo Tài Chính, Chứng Từ và Sổ Kế Toán, Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

3.48. Tin học kế toán 2(68582)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tin học kế toán 2, người học biết được những nội dung cơ bản về Kiến thức hàm trong Excel và các hàm điều kiện; Thiết lập các loại sổ kế toán; Thiết lập báo cáo tài chính. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đặng Văn Sáng, *Hướng Dẫn Thực Hành Lập Sổ Sách Kế Toán, Báo Cáo Tài Chính và Báo Cáo Thuế GTGT Trên Excel (Tái Bản)*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

3.49. Hệ thống thông tin kế toán (68592)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Hệ thống thông tin kế toán, người học biết được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán; Cách thức tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán; Khái niệm chu trình kinh doanh và các chu trình kinh doanh trong doanh nghiệp; Quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập; Thực hiện tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Hữu Ánh, Trần Quang Tuấn, *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2021.

3.50. Kế toán kho bạc (68142)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán kho bạc, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán Kho bạc; Kế toán vốn bằng tiền và tiền gửi đơn vị tại kho bạc Nhà nước; Kế toán ngân sách Nhà nước; Kế toán vay nợ và trả nợ vay. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tăng Bình và Ái Phương, *Hướng dẫn Chế độ Kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2020.

3.51. Đối chiếu kế toán quốc tế (68153)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Đối chiếu kế toán quốc tế, người học biết được những nội dung cơ bản về môi trường kế toán quốc tế, mô hình kế toán cơ bản, và cách xử lý của kế toán đối với tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, các khoản nợ phải trả và vốn góp của các thành viên. Đề xuất giải pháp; Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Thị Thanh Hải (chủ biên), *Kế toán quốc tế*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

3.52. Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 1(68243)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán đơn vị HCSN 1, người học biết được những nội dung cơ bản về Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN; Kế toán tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu, hàng tồn kho; Kế toán Tài sản cố định và XDCB; Kế toán các khoản phải trả; Kế toán các nguồn kinh phí; Kế toán các thu, chi và xác định kết quả hoạt động. Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Khoa kế toán ĐH Kinh tế TP.HCM, Bộ môn kế toán công, *Kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2020.

3.53. Kế toán ngân hàng (68322)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán ngân hàng, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán nghiệp vụ tín dụng; Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trương Thị Hồng, *Lý thuyết-bài tập-câu hỏi trắc nghiệm kế toán ngân hàng*, NXB kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2023.

[2]. Lâm Chí Dũng, *Giáo trình kế toán ngân hàng*, NXB Tài chính, TP.HCM, 2021.

[3]. E. Virgil Neal, *Modern Banking and Bank Accounting*, Creative Media Partners, LLC, 2022.

3.54. Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp (68343)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp, người học biết được những nội dung cơ bản về Nghị định 119/2018/NĐ-CP qui định về hóa đơn điện tử khi bán hàng và cung cấp dịch vụ; Chứng từ trong quá trình làm kế toán; Thực hành mô phỏng kế toán tại doanh nghiệp. Tổng hợp, phân tích

được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[3]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp. HCM, 2023.

[4]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2023

[5]. Lê Quang Cường (chủ biên), *Giáo trình Thuế 1*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2020.

3.55. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (68413)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, người học biết được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ; Kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải thu - phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Phạm Đức Cường, Trần Mạnh Dũng, Đinh Thế Hùng, *Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành*, NXB Tài chính, TP. HCM, 2023.

3.56. Toán tài chính (69092)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Toán tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về khái niệm căn bản, những kỹ năng cần thiết cũng như các bài tập ứng dụng cần thiết về cách tính lãi đơn, lãi gộp cho khoản tiền, chuỗi tiền tệ, giá trị của dòng tiền, chiết khấu thương phiếu, vay vốn. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Tấn Bình, *Toán tài chính ứng dụng*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2022.

[2]. Wai-Sum Chan and Yiu-kuen Tse, *Financial Mathematics For Actuaries (Third Edition)*, World Scientific, 2021.

3.57. Lập báo cáo tài chính theo IFRS (68502)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lập báo cáo tài chính theo IFRS, người học biết được những nội dung cơ bản về lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền. Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân. Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn; Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bùi Văn Dương (chủ biên), *Kế toán nâng cao*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2022.

[2]. PWC Việt Nam, *Illustrative IFRS consolidated financial statements for 2020 year ends*, PWC Việt Nam, 2020.

[3]. EY Việt Nam, *Illustrative Consolidated Financial Statements*, EY Việt Nam, 2020.

3.58. Tài chính doanh nghiệp 1 (69102)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tài chính doanh nghiệp 1, người học biết được những nội dung cơ bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp, làm nền tảng để nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp: Thời giá tiền tệ; Định giá chứng khoán; Đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Tài Chính Doanh Nghiệp (tái bản lần 2)*, NXB Kinh tế, TP.HCM, 2020

[2]. Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp 1*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2022.

[3]. Stephen Ross, *Tài Chính Doanh Nghiệp – Corporate Finance*, NXB kinh tế TP Hồ Chí Minh, TP.HCM, 2019.

3.59. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (68822)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh chuyên ngành kế toán, người học biết được những nội dung cơ bản về Tổng quan về các thuật ngữ cơ bản chuyên ngành kế toán; Các thuật ngữ tiếng Anh ghi sổ; Các thuật ngữ tiếng Anh về kế toán nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; Các thuật ngữ tiếng Anh về kế toán

thành phẩm, hàng hóa và tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa; Lập và phân tích báo cáo tài chính bằng tiếng Anh. Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày; Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Evan Frendo, Sean Maloney, *English for Accounting*, NXB Oxford, 2020.

3.60. Tài chính doanh nghiệp 2 (69122)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tài chính doanh nghiệp 2, người học biết được những kiến thức và công cụ phân tích để giúp ra các quyết định liên quan đến quản lý nguồn vốn, chính sách phân phối lợi nhuận của công ty, bên cạnh đó, còn giúp công ty ngăn chặn ảnh hưởng của rủi ro tài chính, góp phần làm gia tăng giá trị và lợi nhuận cho cổ đông, đồng thời, đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở nghiên cứu rủi ro, điểm hòa vốn, đòn cân định phí, đòn cân nợ và phân tích các báo cáo tài chính. Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp 2*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2021.

[2]. Ngô Kim Phượng, Lê Hoàng Vinh, *Phân tích tài chính doanh nghiệp (Tài bản lần thứ 5)*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2021.

3.61. Quản trị sản xuất (67222)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Quản trị sản xuất, người học biết được những nội dung cơ bản về quản trị sản xuất như: dự báo, quản trị hàng tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, các phương pháp hoạch định tổng hợp thuận tuý, lập lịch sản xuất.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đồng Thị Thanh Phương, *Quản trị sản xuất và dịch vụ*, NXB Lao động - Xã hội, 2021.

3.62. Khởi nghiệp kinh doanh (67393)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học, Marketing căn bản

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Khởi nghiệp kinh doanh, người học hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, nhận diện được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn thảo và triển khai kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Phân tích được những yếu

tổ cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Người học phát huy tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Donald F Kuratko, *Khởi nghiệp kinh doanh - Lý thuyết, Quá trình, Thực tiễn*, NXB Hồng Đức, 2019.

3.63. Thống kê doanh nghiệp (68002)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế

- Mô tả:

Sau khi kết thúc học phần Thống kê doanh nghiệp, người học có được những kiến thức thống kê về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực huy động vào sản xuất kinh doanh; phương pháp tính toán và phân tích thống kê đánh giá kết quả, hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đánh giá sự biến động về giá thành sản phẩm. Các kiến thức này giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Phan Thị Thanh Thúy, *Tập bài giảng Thống kê doanh nghiệp*, Trường ĐHTG, 2020.

3.64. Phân tích hoạt động kinh doanh (68023)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, người học biết được những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp trong giai đoạn cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Phạm Tấn Dược (chủ biên), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Lao động, Hà Nội, 2020.

[2]. Leonida Meizler, *Business Analyst*, NXB Independently Published, 2021.

[3]. Karl Wieggers, *Successful Business Analysis Consulting*, NXB J. Ross Publishing, 2019.

3.65. Thị trường tài chính (68112)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thị trường tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường ngoại hối và thị trường phái sinh. Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích mối liên hệ giữa các loại thị trường

trong tổng thể thị trường tài chính và với các thị trường khác của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Tiến, *Thị trường tài chính & Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019.

[2]. Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2021.

[3]. J.Murphy (dịch giả Phan Xuân Trường), *Phân tích kỹ thuật trong thị trường tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2021.

3.66. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68212)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, người học biết được những nội dung cơ bản về ngân hàng thương mại: Tổng quan về nghiệp vụ ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ chiết khấu của ngân hàng thương mại. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hoàng Thị Thu (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, 2020.

[2]. Christopher Gan, *Commercial Banking*, MDPI - Multidisciplinary Digital Publishing Institute, 2021.

3.67. Thanh toán quốc tế (68043)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thanh toán quốc tế, người học biết được những kiến thức tổng quát thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái – các giao dịch hối đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hà Văn Hội, *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, 2022.

[2]. Tập thể tác giả, *Bài tập & Bài giải Thanh toán quốc tế*, NXB ĐHQG Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2021.

3.68. Thị trường chứng khoán (69112)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thị trường chứng khoán, người học biết được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, chứng khoán, đặc điểm và cách định giá các chứng khoán, cơ chế hoạt động của sở giao dịch, các nghiệp vụ chủ yếu của công ty chứng khoán. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Hồng Nhung (chủ biên), *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021.

[2]. Nguyễn Thị Minh Huệ, *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2019.

[3]. Matthew R.Kratter, *A Beginner's Guide to the Stock Market*, Independently published, 2019.

[4]. Michele Cagan CPA, *Stock Market 101*, Adams Media, 2019.

3.69. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu (67143)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Nghiệp vụ xuất nhập khẩu, người học biết được những nội dung cơ bản về các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms, những vấn đề trong thanh toán quốc tế, kỹ thuật đàm phán một hợp đồng ngoại thương, cách thức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu và bộ chứng từ trong kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Văn Hòe (chủ biên), *Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu*, NXB Tài chính, 2023.

[2]. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt, *Giáo Trình Quản Trị Xuất Nhập Khẩu*, NXB Kinh Tế TP.HCM, 2021.

[3]. Tô Bình Minh (Chủ biên), *Incoterms 2020 - Giải thích và hướng dẫn sử dụng*, NXB Tài chính, 2020.

3.70. Tài chính công (69252)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tài chính công, người học biết được những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công, như: Khu vực công và lý thuyết về hiệu quả và công bằng; hàng hóa công và chi tiêu công; thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiệu quả và tối ưu; ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Hiệu, Trần Thị Vân Anh, *Giáo trình Tài Chính Công*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2020.

3.71. Khóa luận cuối khóa (Kế toán) (68906)

- Số tín chỉ: 6 TC (0, 0, 0, 0, 360)

- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5 (68314)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Khóa luận cuối khóa, người học vận dụng được kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ĐV HCSN, kế toán kho bạc, thuế, kiểm toán... để thực hành các nghiệp vụ kế toán thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[3]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp. HCM, 2023.

[4]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2023.

3.72. Chuyên đề cuối khóa (Kế toán) (68914)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Học phần học trước: Kế toán tài chính 5(68314)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Chuyên đề cuối khóa, người học vận dụng được kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán ĐV HCSN, kế toán kho bạc, thuế, kiểm toán... để thực hành các nghiệp vụ kế toán thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 1*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[2]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính 2*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2022.

[3]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 3)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp. HCM, 2023.

[4]. Nguyễn Thị Kim Cúc, *Tài liệu học tập kế toán tài chính (Quyển 4)*, NXB kinh tế TP.HCM, Tp.HCM, 2023.

3.73. Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 2 (68552)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán đơn vị HCSN 2, người học biết được những nội dung cơ bản về lập sổ sách và BCTC cho đơn vị HCSN; nghiệp vụ kế toán xã, phường. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Khoa kế toán ĐH KT TPHCM, Bộ môn kế toán công, *Kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Kinh tế TP.HCM, TP.HCM, 2020.

3.74. Luật kế toán và đạo đức nghề nghiệp (68612)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Luật kế toán và đạo đức nghề nghiệp, người học biết được những nội dung cơ bản về các luật kế toán, luật ngân sách nhà nước, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong kế toán và kiểm toán. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Thị Thu Ngân, *Pháp Luật Về Kế Toán Kiểm Toán*, NXB ĐHQG-HCM, TP.HCM, 2018.

[2]. ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước*, NXB Công an

nhân dân, Hà Nội, 2021.

3.75. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Giảng bài</i> - <i>Câu hỏi gợi ý</i>
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	- <i>Tranh luận</i> - <i>Thảo luận</i> - <i>Giải quyết vấn đề</i> - <i>Học tập nhóm</i>
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	- <i>Luyện tập kỹ năng</i> - <i>Thực hành</i> - <i>Làm việc nhóm</i>
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	- <i>Thực tế</i> - <i>Mô phỏng</i>
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	<i>Tiểu luận, khóa luận</i>
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Nghiên cứu tình huống</i>

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền

Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩndầura											
		Kiếnthức				Kỹnăng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
I	Đánh giá quá trình												
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần										x	x	x
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập (tự học, kiểm tra với các hình thức)	X	x	x	x	x	x			x	x	x	x
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm					x	x	x	x		x	x	x
4	Đánh giá qua thuyết trình trên lớp					x				X		x	x
II	Đánh giá cuối kỳ												
1	Đánh giá qua kỳ thi kết thúc học phần	X	x	x	x								
2	Đánh giá qua thực hành, thực tập				x	x	x	x	x	X	x	x	x
3	Đánh giá qua việc thực hiện khóa luận			x	x	x	x				x	x	x
III	Đánh giá khác												
1	Đánh giá qua hoạt động rèn luyện					x					x		

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Các doanh nghiệp	Trong và ngoài tỉnh Tiền Giang
2	Các ngân hàng	
3	Các đơn vị HCSN	

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
Tổng:		223	33.663

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Kế toán:

Số TT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy vi tính	5	250	Máy vi tính Phần mềm kế toán AMIS	200	Tin học kế toán 1
						Tin học kế toán 2
						Kế toán mô phỏng trong DN
						Tin học ứng dụng cơ bản
						PPNCKH trong kế toán
						Kinh tế lượng

Nhận xét chung: CSVC cơ bản đáp ứng được các CDR liên quan đến thực hành.

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Phạm Văn Ôn		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
2	Nguyễn Minh Nhã		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
3	Trần Thị Tiên		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
4	Phạm Thị Huỳnh Như		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
5	Nguyễn Hoàng Thơ		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
6	Võ Văn Hiền		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
7	Lê Thị Trúc Mai		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
8	Nguyễn Lê Thùy Liên		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
9	Huỳnh Thị ngọc Phượng		Thạc sĩ	Kinh tế (Kế toán)		Kế toán
10	Nguyễn Hồng Nhung		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
11	Trần Thị Hồng Thúy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
12	Phạm Văn Thi		Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế		Kế toán
13	Lê Hồng Xuân		Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế		Kế toán
14	Trần Thị Hồng Diễm		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
15	Phan Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
16	Lê Thị Hồng Trang		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
17	Lý Thị Ngọc Sương		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
18	Huỳnh Văn Hữu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
19	Lương Hồng Thanh		Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng - An ninh		Kế toán
20	Lê Thị Ánh Vân		Thạc sĩ	Chính trị học		Kế toán
21	Đặng Hải Long		Tiến sĩ	Toán giải tích		Kế toán
22	Phạm Thị Thảo Uyên		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		Kế toán
23	Lâm Thái Bảo Ngọc		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng		Kế toán
24	Phạm Trần Ngọc Hương		Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng		Kế toán
25	Đào Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
26	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng		Kế toán
27	Hồ Nguyễn Diễm Tiên		Tiến sĩ	Quản lý kinh doanh nông nghiệp		Kế toán
28	Nguyễn Thị Ngọc Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
29	Nguyễn Thanh Phong		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
30	Nguyễn Trọng Hải		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Kế toán
31	Nguyễn Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Kế toán
32	Trần Huỳnh Thị Hương Lan		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Kế toán
33	Dương Văn Hiếu		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
34	Nguyễn Văn Thuận		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kế toán
35	Nguyễn Thị Phương Linh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kế toán
36	Tăng Phú Đức		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Kế toán

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trường Cao đẳng Bến Tre		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trường Cao đẳng Bến Tre		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
3	Trần Thị Ngọc Hương	Ngân hàng NN&PTNT, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh TG		Thạc sĩ	Kinh tế		Kế toán
4	Lê Thị Kim Trọn	Trường CĐ Long An		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Phạm Văn Thi	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Kinh tế	
2	Lê Hoàng Vân Trang	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	QTKD	
3	Phan Huy Lâm	Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Luật kinh tế	

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
4	Ngô Thị Loan	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
5	Lê Anh Khoa	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
6	Tổng Lê Thanh Hải	Quản lý CSVC	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	

Nhận xét chung: Đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ đáp ứng được yêu cầu ngành học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang

- Quyết định 345/QĐ/BTC: Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 252/QĐ-TTg)

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định số 2631/QĐ-TTg)

- Số liệu của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) giai đoạn 2019 -2022.

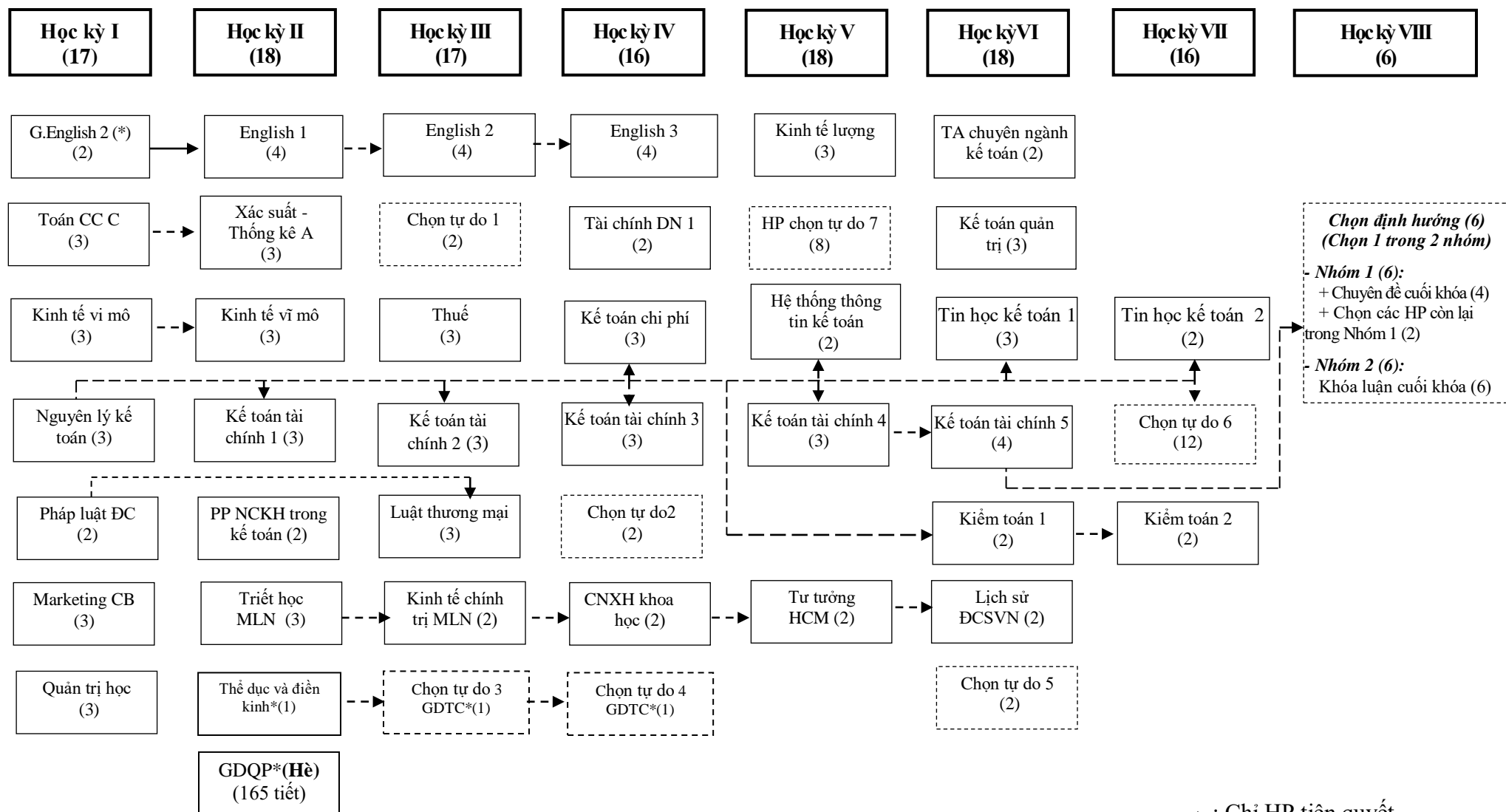
10.2. Thông tin kiểm định

CTĐT ngành Kế toán đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT (ngày 10/4/2023) đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH KẾ TOÁN**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Kế toán



→ : Chỉ HP tiên quyết,
 --> : Chỉ HP học trước
 (x) : Số tín chỉ
 (*) : HP điều kiện

PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK		Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
I	1	67003	Quản trị học		x			x		x					x
	2	08133	Toán cao cấp C	x				x			x	x	x		
	3	66043	Kinh tế vi mô		x			x							x
	4	68063	Nguyên lý kế toán	x	x	x				x	x	x	x	x	x
	5	71012	Pháp luật đại cương	x									x		
	6	70013	Marketing căn bản	x	x			x		x	x		x	x	x
	7	08012	General English 2*							x					
II	8	68562	PP NCKH trong kế toán	x	x					x	x	x	x	x	x
	9	08733D	Xác suất thống kê A	x							x	x	x		
	10	66063	Kinh tế vĩ mô		x					x	x		x		
	11	68083	Kế toán tài chính 1			x		x		x	x		x		
	12	00033	Triết học Mác Lênin	x				x					x	x	
	13	08024	English 1							x					
	14	12371	Thử dục và điền kinh*	x											
	15		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x											
III	16	15362	Kỹ năng giao tiếp	x				x			x		x		
	17	65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	x	x			x			x			x	x
	18	68013	Thuế			x		x			x		x	x	x
	19	68093	Kế toán tài chính 2			x		x		x				x	
	20	71073	Luật thương mại	x				x					x	x	

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
HK	21	01202	Kinh tế chính trị Mác Lênin	x				x					x	x	
	22	08034	English 2						x						
	23	12391	Bóng chuyền 1*	x											
	24	12401	Cầu lông 1*	x											
	25	12271	Đá cầu 1*	x											
	26	12411	Bóng rổ 1*	x											
IV	27	69102	Tài chính doanh nghiệp 1	x	x	x		x			x	x	x	x	
	28	68133	Kế toán chi phí			x		x		x	x			x	
	29	68103	Kế toán tài chính 3			x		x		x				x	
	30	30053	Tin học ứng dụng cơ bản	x							x				
	31	69782	Kế toán bền vững	x										x	
	32	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x						x	
	33	08044	English 3						x						
	34	12441	Bóng chuyền 2*	x											
	35	12481	Cầu lông 2*	x											
	36	12281	Đá cầu 2*	x											
37	12461	Bóng rổ 2*	x												
V	38	66093	Kinh tế lượng	x	x			x					x	x	
	39	68273	Kế toán tài chính 4		x	x		x		x			x	x	
	40	68592	Hệ thống thông tin kế toán			x	x		x			x			x

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
HK	41	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											
	42	67222	Quản trị sản xuất	x	x			x		x			x		x
	43	67393	Khởi nghiệp kinh doanh	x	x	x		x	x	x	x	x		x	
	44	68002	Thống kê doanh nghiệp		x			x					x		
	45	68023	Phân tích hoạt động KD	x	x			x	x	x	x	x	x		
	46	68112	Thị trường tài chính	x	x	x		x			x	x	x	x	x
	47	68212	Nghiệp vụ ngân hàng TM	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
	48	69043	Thanh toán quốc tế		x	x			x		x	x		x	
	49	69112	Thị trường chứng khoán		x			x					x	x	
	50	67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu		x			x					x	x	x
	51	69122	Tài chính doanh nghiệp 2		x	x							x	x	
	52	69252	Tài chính công		x					x			x	x	x
VI	53	68822	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán			x			x				x	x	x
	54	68113	Kế toán quản trị			x	x	x		x	x	x		x	
	55	68313	Tin học kế toán 1			x		x		x				x	
	56	68314	Kế toán tài chính 5			x		x		x		x	x	x	x
	57	68252	Kiểm toán 1			x		x		x	x	x		x	x
	58	03022	Lịch sử Đảng cộng sản VN	x											
	59	66102	Kinh tế quốc tế		x	x		x		x	x		x	x	
	60	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		x			x					x		

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
	61	69002	Lý thuyết tài chính – tiền tệ		x					x			x	x	
VII	62	68582	Tin học kế toán 2			x		x		x				x	
	63	68262	Kiểm toán 2			x		x		x		x		x	x
	64	68142	Kế toán kho bạc	x		x		x						x	
	65	68153	Đối chiếu kế toán quốc tế			x		x	x			x	x		x
	66	68243	Kế toán đơn vị HCSN 1			x				x	x			x	x
	67	68322	Kế toán ngân hàng			x		x		x			x		x
	68	68343	Kế toán mô phỏng trong DN			x		x					x		
	69	68413	Kế toán DN vừa và nhỏ			x		x			x		x	x	
	70	69092	Toán tài chính		x			x					x	x	
	71	68502	Lập BCTC theo IFRS		x		x		x		x		x		
VIII	72	68914	Chuyên đề cuối khóa (kế toán)			x		x	x		x		x	x	x
	73	68552	Kế toán đơn vị HCSN 2			x	x			x					x
	74	68562	Luật kế toán và đạo đức NN		x		x			x				x	
	75	68906	Khóa luận cuối khóa (kế toán)			x		x	x		x			x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

